

CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG HOA SEN VÀNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÀ HÀNG HOA SEN VÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLDEN LOTUS FLOWER RESTAURANT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110234995

3. Ngày thành lập: 18/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Shophouse số 15 Tòa SA2, Phân khu SaKura, Vinhomes Smart City, Đường Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0815965765

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác; (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác. (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa. Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Loại trừ kinh doanh phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị. Kinh doanh xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai)	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác. Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan: khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
29.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
30.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230

31.	Dịch vụ đóng gói	8292
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ đầu giá)	8299
33.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
34.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
35.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị. -Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
36.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
37.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
38.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
39.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
40.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
42.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
43.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
44.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
45.	Lập trình máy vi tính	6201
46.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
47.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
48.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
49.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
50.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
51.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

52.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820
53.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán)	7020
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế, giám sát hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình; - Thiết kế, giám sát công tác hoàn thiện công trình xây dựng như trát, ốp lát, sơn, lắp đặt cửa, nội thất và các công việc tương tự khác không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của công trình; - Các hoạt động xây dựng đối với công trình cấp IV; công viên cây xanh; đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông. Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải); Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều; Giám sát thi công xây dựng: Giám sát công tác xây dựng công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Định giá xây dựng Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Kiểm định xây dựng Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
55.	Quảng cáo (Loại trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	7310
56.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320

57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
58.	Hoạt động nhiếp ảnh (Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
59.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đấu giá)	7710
60.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
62.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
63.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
64.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
65.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
66.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
67.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
68.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
72.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác hoặc tại chợ;	4784
73.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
74.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4789
75.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791

76.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
77.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
78.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
79.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
80.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Loại trừ hoạt động Hoa tiêu)	5222
83.	Bốc xếp hàng hóa	5224
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển (Trừ vận tải hàng hóa hàng không)	5229
86.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày 1. Khách sạn. 2. Biệt thự du lịch. 3. Căn hộ du lịch. 5. Nhà nghỉ du lịch. 6. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê. 8. Các cơ sở lưu trú du lịch khác	5510
87.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5590
88.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
89.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
90.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
91.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

92.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
93.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
94.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
96.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820
97.	Đại lý du lịch	7911
98.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
99.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
102.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
103.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
104.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
105.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
106.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
107.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
108.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
110.	Xây dựng nhà để ở	4101
111.	Xây dựng nhà không để ở	4102
112.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
113.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
114.	Xây dựng công trình điện	4221
115.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
116.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
117.	Xây dựng công trình thủy	4291

118.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
119.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
120.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
121.	Phá dỡ (không bao gồm hoạt động dò, nổ mìn)	4311
122.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm hoạt động nổ mìn)	4312
123.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
124.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ kinh doanh phần mềm ngay trạng dùng để ghi âm, ghi hình, định vị. Kinh doanh xây dựng phần mềm của hệ thống thông tin đất đai)	4741
125.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
126.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Vải;- Len, sợi;- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;- Hàng dệt khác;- Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...	4751
127.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
128.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
129.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
130.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
131.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
132.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
133.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
134.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
135.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)	4772
136.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu; Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao: tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VIỆT LÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/01/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086006014

Ngày cấp: 13/05/2015 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 8 ngõ 16 TDP Thượng, Phố Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Shophouse số 15 Tòa SA2, Phân khu SaKura, Vinhomes Smart City, Đường Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT LÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/01/1986 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086006014

Ngày cấp: 13/05/2015 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số nhà 8 ngõ 16 TDP Thượng, Phố Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Shophouse số 15 Tòa SA2, Phân khu SaKura, Vinhomes Smart City, Đường Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội